

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1131/QĐ-BTC

Hà Nội, ngày 16 tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Danh mục dịch vụ công trực tuyến toàn trình, dịch vụ công trực tuyến một phần của Bộ Tài chính

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Nghị định số 14/2023/NĐ-CP ngày 20/4/2023 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về Kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ;

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;

Căn cứ Quyết định số 06/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 27/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục đẩy mạnh các giải pháp cải cách và nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công phục vụ người dân, doanh nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 của Văn phòng Chính phủ quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ,

kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Tin học và Thống kê tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Danh mục dịch vụ công trực tuyến toàn trình, dịch vụ công trực tuyến một phần của Bộ Tài chính (*Danh mục kèm theo*).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Cục trưởng Cục Tin học và Thống kê tài chính, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ và các cá nhân, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng Hồ Đức Phúc (để b/c);
- Các đồng chí Thứ trưởng;
- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC);
- Các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ;
- Lưu: VT, THTK (.k...b). *nhuy*

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Bùi Văn Kháng

Phụ lục I
DANH MỤC DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN TOÀN TRÌNH CỦA BỘ TÀI CHÍNH
(Kèm theo Quyết định số 1131/BTC-THTK ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ Tài chính)

STT	Tên dịch vụ công		Lĩnh vực
I	LĨNH VỰC HẢI QUAN		
1	1	Thủ tục xem hàng hoá trước khi khai hải quan	Hải quan
2	2	Thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu phục vụ các yêu cầu khẩn cấp; hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu chuyên dùng trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh	Hải quan
3	3	Thủ tục hải quan đối với hàng hoá đã xuất khẩu nhưng bị trả lại	Hải quan
4	4	Thủ tục hải quan đối với hàng hoá đã nhập khẩu nhưng phải xuất trả lại cho khách hàng nước ngoài, tái xuất sang nước thứ ba hoặc tái xuất vào khu phi thuế quan	Hải quan
5	5	Thủ tục đưa hàng về bảo quản	Hải quan
6	6	Thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu đăng ký tờ khai một lần	Hải quan
7	7	Thủ tục khai bổ sung hồ sơ hải quan hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu	Hải quan
8	8	Thủ tục huỷ tờ khai hải quan	Hải quan
9	9	Thủ tục hải quan đối với hàng hoá nhập khẩu tạo tài sản cố định của các dự án đầu tư (thủ công - điện tử)	Hải quan

STT		Tên dịch vụ công	Lĩnh vực
10	10	Thủ tục hải quan đối với hàng hoá đưa vào, đưa ra khu thương mại tự do, khu phi thuế quan	Hải quan
11	11	Thủ tục hải quan đối với hàng hóa đưa ra đưa vào kho bảo thuế	Hải quan
12	12	Kế hoạch mua tem điện tử thuốc lá nhập khẩu hoặc tem điện tử rượu nhập khẩu	Hải quan
13	13	Đăng ký mua bổ sung tem điện tử thuốc lá nhập khẩu hoặc tem điện tử rượu nhập khẩu	Hải quan
14	14	Hồ sơ mua tem điện tử thuốc lá nhập khẩu hoặc tem điện tử rượu nhập khẩu	Hải quan
15	15	Báo cáo tình hình sử dụng tem điện tử thuốc lá nhập khẩu hoặc tem điện tử rượu nhập khẩu	Hải quan
16	16	Báo cáo mất, cháy, hỏng tem điện tử thuốc lá nhập khẩu hoặc tem điện tử rượu nhập khẩu	Hải quan
17	17	Báo cáo hoàn thành hủy tem điện tử thuốc lá nhập khẩu, hoặc tem điện tử rượu nhập khẩu.	Hải quan
18	18	Thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo quyền xuất khẩu, nhập khẩu, quyền phân phối của doanh nghiệp chế xuất	Hải quan
19	19	Thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của thương nhân nước ngoài theo quyền xuất khẩu, nhập khẩu, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	Hải quan
20	20	Thủ tục đối với nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để sản xuất, để xây dựng nhà xưởng, lắp đặt thiết bị cho doanh nghiệp chế xuất, hàng hoá nhập khẩu tạo tài sản cố định, hàng tiêu dùng nhập khẩu, sản phẩm xuất khẩu của doanh nghiệp chế xuất	Hải quan

STT		Tên dịch vụ công	Lĩnh vực
21	21	Thủ tục xuất khẩu nguyên liệu, vật tư đặt gia công ở nước ngoài	Hải quan
22	22	Thủ tục hải quan xử lý nguyên liệu, vật tư dư thừa; phế thải, phế liệu, phế phẩm; máy móc, thiết bị thuê mượn	Hải quan
23	23	Thủ tục hải quan xử lý nguyên liệu, vật tư dư thừa; phế liệu, phế phẩm; máy móc, thiết bị tạm xuất phục vụ gia công	Hải quan
24	24	Thủ tục hải quan đối với hàng xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ; thủ tục mua bán hàng hoá giữa doanh nghiệp chế xuất với doanh nghiệp nội địa; thủ tục mua bán hàng hoá giữa hai doanh nghiệp chế xuất; thủ tục giao nhận sản phẩm gia công chuyển tiếp; thủ tục đối với nguyên liệu, vật tư đã nhập khẩu theo loại hình nhập sản xuất xuất khẩu trước khi ký kết hợp đồng gia công, bên nhận gia công được sử dụng nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để cung ứng cho hợp đồng gia công cho thương nhân nước ngoài; thủ tục đối với nguyên liệu, vật tư do tổ chức, cá nhân tại Việt Nam cung cấp theo chỉ định của thương nhân nước ngoài để thực hiện hợp đồng gia công cho thương nhân nước ngoài	Hải quan
25	25	Thủ tục tạm xuất sản phẩm gia công ra nước ngoài để tái chế sau đó tái nhập trở lại Việt Nam	Hải quan
26	26	Thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu; thủ tục đối với phế liệu, phế phẩm được phép xuất khẩu ra nước ngoài; thủ tục xuất khẩu sản phẩm làm từ nguyên liệu nhập khẩu; thủ tục đối với phế liệu, phế phẩm của doanh nghiệp chế xuất được phép bán vào thị trường nội địa; thủ tục xuất khẩu sản phẩm gia công	Hải quan
27	27	Thủ tục hải quan đối với hàng hóa từ nước ngoài đưa vào kho ngoại quan	Hải quan
28	28	Thủ tục hải quan đối với hàng hóa từ khu phi thuế quan hoặc từ nội địa vào kho ngoại quan	Hải quan
29	29	Thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất kho ngoại quan để xuất ra nước ngoài	Hải quan

STT		Tên dịch vụ công	Lĩnh vực
30	30	Thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất kho ngoại quan đưa vào nội địa hoặc nhập khẩu vào khu phi thuế quan hoặc tạm nhập khẩu để bán tại cửa hàng miễn thuế	Hải quan
31	31	Thủ tục thông báo cơ sở gia công, sản xuất hàng hoá xuất khẩu; nơi lưu giữ nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị, sản phẩm xuất khẩu	Hải quan
32	32	Thủ tục thông báo hợp đồng, phụ lục hợp đồng gia công	Hải quan
33	33	Thủ tục thay đổi cửa khẩu xuất hoặc đưa trở lại kho ngoại quan đối với hàng hoá gửi kho ngoại quan đã đưa ra cửa khẩu xuất nhưng không xuất được hoặc chỉ xuất được một phần	Hải quan
34	34	Thủ tục hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu; thủ tục hải quan đối với nguyên liệu, vật tư do bên nhận gia công tự cung ứng cho hợp đồng gia công; thủ tục nhập khẩu nguyên liệu, vật tư để thực hiện hợp đồng gia công cho thương nhân nước ngoài; thủ tục nhập khẩu nguyên liệu, vật tư để sản xuất hàng hoá xuất khẩu; thủ tục nhập khẩu sản phẩm đặt gia công ở nước ngoài	Hải quan
35	35	Xác định trước xuất xứ hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu	Hải quan
36	36	Thủ tục đối với hàng hóa xuất khẩu/ nhập khẩu là tài liệu chứng từ không có giá trị thương mại gửi qua dịch vụ chuyển phát nhanh quốc tế	Hải quan
37	37	Thủ tục đối với hàng hóa nhập khẩu được miễn thuế trong định mức theo quy định hiện hành của Thủ tướng Chính phủ, trừ hàng hóa phải có giấy phép nhập khẩu hoặc đối tượng phải kiểm tra chuyên ngành gửi qua dịch vụ chuyển phát nhanh quốc tế	Hải quan

STT		Tên dịch vụ công	Lĩnh vực
38	38	Thủ tục đối với hàng hóa xuất khẩu có giá trị dưới năm triệu đồng Việt Nam và không có thuế xuất khẩu, trừ hàng hóa phải có giấy phép xuất khẩu hoặc thuộc đối tượng phải kiểm tra chuyên ngành gửi qua dịch vụ chuyển phát nhanh quốc tế	Hải quan
39	39	Thủ tục đối với hàng hóa nhập khẩu hoặc hàng hóa xuất khẩu đóng ghép với hàng hóa quá cảnh gửi qua dịch vụ chuyển phát nhanh quốc tế	Hải quan
40	40	Thủ tục hàng hóa lặc tuyến quốc tế (hàng hóa từ nước này lặc tuyến sang nước khác)	Hải quan
41	41	Thủ tục điện tử đối với tàu biển đã nhập cảnh ở một cảng biển của Việt Nam sau đó đến cảng biển, cảng thủy nội địa khác và phương tiện nội địa Việt Nam, Campuchia nhập cảnh, xuất cảnh tại cảng biển, cảng thủy nội địa Việt Nam	Hải quan
42	42	Thủ tục đăng ký, cấp sổ hải quan giám sát phương tiện và giấy chứng nhận điều khiển phương tiện vận tải hàng hóa thuộc diện giám sát hải quan	Hải quan
43	43	Thủ tục chấm dứt đại lý giám sát hải quan	Hải quan
44	44	Thủ tục đăng ký, công nhận đại lý giám sát hải quan	Hải quan
45	45	Thủ tục hải quan đối với gói, kiện hàng hóa xuất khẩu có trị giá hải quan dưới 5 triệu đồng, được miễn thuế xuất khẩu hoặc chịu thuế xuất khẩu với thuế suất là 0% và không thuộc mặt hàng phải có giấy phép xuất khẩu, kiểm tra chuyên ngành	Hải quan
46	46	Thủ tục hải quan đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu là tài liệu, chứng từ không có giá trị thương mại gửi qua dịch vụ chuyển phát nhanh	Hải quan

STT		Tên dịch vụ công	Lĩnh vực
47	47	Thủ tục hải quan đối với hàng hoá nhập khẩu có trị giá hải quan trong định mức miễn thuế nhập khẩu theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP của Chính phủ và không thuộc mặt hàng phải có giấy phép nhập khẩu, kiểm tra chuyên ngành gửi qua dịch vụ chuyển phát nhanh	Hải quan
48	48	Thủ tục hải quan đối với hàng hoá xuất khẩu có trị giá hải quan dưới năm triệu đồng, được miễn thuế xuất khẩu hoặc chịu thuế xuất khẩu với thuế suất là 0%, không thuộc mặt hàng phải có giấy phép xuất khẩu, kiểm tra chuyên ngành gửi qua dịch vụ chuyển phát nhanh	Hải quan
49	49	Thủ tục hải quan đối với tàu biển, tàu bay tạm nhập - tái xuất, tạm xuất - tái nhập để sửa chữa, bảo dưỡng	Hải quan
50	50	Thủ tục tàu thuyền nước ngoài quá cảnh Việt Nam đến Campuchia, tàu thuyền nước ngoài từ Campuchia quá cảnh Việt Nam ra nước ngoài; tàu thuyền Việt Nam, tàu thuyền Campuchia có số hồ hiệu IMO nhập cảnh, xuất cảnh qua đường sông Tiền, sông Hậu	Hải quan
51	51	Thủ tục hải quan đối với phương tiện vận tải đường thủy xuất cảnh, nhập cảnh qua cửa khẩu biên giới đường sông	Hải quan
52	52	Thủ tục hải quan đối với tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh	Hải quan
53	53	Thủ tục hải quan đối với tàu hỏa liên vận quốc tế xuất cảnh, nhập cảnh	Hải quan
54	54	Thủ tục hải quan đối với tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh	Hải quan

STT		Tên dịch vụ công	Lĩnh vực
55	55	Thủ tục cấp mã địa điểm thu gom hàng lẻ (đối với doanh nghiệp kinh doanh địa điểm thu gom hàng lẻ nằm trong khu vực cảng biển, cảng cạn là doanh nghiệp kinh doanh cảng)	Hải quan
56	56	Thủ tục hải quan hàng hóa là tài sản di chuyển	Hải quan
57	57	Thủ tục hải quan đối với hàng bán tại cửa hàng miễn thuế, nhưng chuyển sang tái xuất	Hải quan
58	58	Thủ tục hải quan đối với hàng hóa bán tại cửa hàng miễn thuế, nhưng được đưa vào bán ở thị trường nội địa	Hải quan
59	59	Thủ tục hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu bán tại cửa hàng miễn thuế	Hải quan
60	60	Thủ tục hải quan đối với hàng hóa kinh doanh tạm nhập - tái xuất	Hải quan
61	61	Thủ tục hải quan đối với hàng hóa tạm nhập - tái xuất, tạm xuất - tái nhập để phục vụ hội nghị, hội thảo, nghiên cứu khoa học, giáo dục, thi đấu thể thao, biểu diễn văn hóa, nghệ thuật, khám chữa bệnh, nghiên cứu và phát triển sản phẩm trong thời gian nhất định	Hải quan
62	62	Thủ tục hải quan đối với hàng hóa tạm nhập - tái xuất, tạm xuất - tái nhập để tổ chức hoặc tham dự hội chợ, triển lãm, giới thiệu sản phẩm	Hải quan
63	63	Thủ tục hải quan đối với hàng hóa tạm nhập - tái xuất, tạm xuất - tái nhập để bảo hành, sửa chữa, thay thế	Hải quan
64	64	Thủ tục hải quan đối với trường hợp tạm nhập, tạm xuất các phương tiện chứa hàng hoá theo phương thức quay vòng	Hải quan

STT		Tên dịch vụ công	Lĩnh vực
65	65	Thủ tục hải quan đối với thiết bị, máy móc, phương tiện thi công, khuôn, mẫu tạm nhập - tái xuất, tạm xuất - tái nhập để sản xuất, thi công công trình, thực hiện dự án, thử nghiệm	Hải quan
66	66	Thủ tục hải quan đối với máy móc, thiết bị, linh kiện, phụ tùng, vật dụng tạm nhập để phục vụ thay thế, sửa chữa tàu biển, tàu bay nước ngoài hoặc tạm xuất để thay thế, sửa chữa tàu biển, tàu bay Việt Nam ở nước ngoài	Hải quan
67	67	Thủ tục hải quan đối với hàng hóa tạm nhập - tái xuất, tạm xuất - tái nhập khác	Hải quan
68	68	Thủ tục tiêu hủy xe ô tô, xe gắn máy của đối tượng được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ tại Việt Nam	Hải quan
69	69	Thủ tục đăng kí, sửa đổi, bổ sung thông tin và hủy hiệu lực thông tin tài khoản người sử dụng thông qua Hệ thống ACTS	Hải quan
70	70	Thủ tục công nhận doanh nghiệp quá cảnh được ưu tiên	Hải quan
71	71	Thủ tục đình chỉ, thu hồi quyết định công nhận doanh nghiệp quá cảnh được ưu tiên	Hải quan
72	72	Thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất phát từ Việt nam quá cảnh qua các nước thành viên ASEAN khác	Hải quan
73	73	Thủ tục hải quan đối với hàng hóa quá cảnh thông qua Hệ thống ACTS từ các nước ngoài ASEAN qua lãnh thổ Việt Nam đến các nước thành viên ASEAN	Hải quan
74	74	Thủ tục khai bổ sung tờ khai quá cảnh hải quan	Hải quan
75	75	Thủ tục hủy tờ khai quá cảnh hải quan	Hải quan

STT		Tên dịch vụ công	Lĩnh vực
76	76	Thủ tục hải quan đối với hàng hóa quá cảnh qua các nước thành viên ASEAN và nhập khẩu vào Việt Nam hoặc hàng hóa quá cảnh từ các nước thành viên ASEAN qua lãnh thổ Việt nam đến từ các nước ngoài ASEAN	Hải quan
77	77	Thủ tục hải quan đối với hàng hóa quá cảnh từ các nước thành viên ASEAN qua lãnh thổ Việt Nam đến các nước thành viên ASEAN khác	Hải quan
78	78	Thủ tục dự phòng thông qua Hệ thống ACTS trong trường hợp Hệ thống ACTS không hoạt động (thủ tục quá cảnh hàng hóa ACTS dự phòng)	Hải quan
79	79	Thủ tục bảo lãnh hàng hóa quá cảnh thông qua hệ thống ACTS	Hải quan
80	80	Thủ tục đặt cọc tiền bảo lãnh hàng hóa quá cảnh thông qua Hệ thống ACTS	Hải quan
81	81	Thủ tục miễn bảo lãnh nhiều hành trình thông qua Hệ thống ACTS	Hải quan
82	82	Thủ tục giảm bảo lãnh nhiều hành trình thông qua Hệ thống ACTS	Hải quan
83	83	Thủ tục hủy bỏ bảo lãnh thông qua Hệ thống ACTS	Hải quan
84	84	Thủ tục hải quan, giám sát hải quan đối với hàng hóa vận chuyển giữa kho chứa hàng miễn thuế và cửa hàng miễn thuế	Hải quan
85	85	Thủ tục hải quan đối với hàng hoá từ nội địa đưa vào cửa hàng miễn thuế, kho hàng miễn thuế	Hải quan
86	86	Báo cáo quyết toán đối với hàng hóa đưa vào để bán tại cửa hàng miễn thuế	Hải quan

STT		Tên dịch vụ công	Lĩnh vực
87	87	Thủ tục bán hàng miễn thuế cho đối tượng mua là người xuất cảnh, quá cảnh, khách trên tàu bay xuất cảnh, khách du lịch bằng đường biển, thuyền viên mua hàng miễn thuế phục vụ nhu cầu cá nhân trong thời gian tàu neo đậu tại cảng biển Việt Nam	Hải quan
88	88	Thủ tục bán hàng miễn thuế cho đối tượng mua là người nhập cảnh tại cửa khẩu sân bay quốc tế	Hải quan
89	89	Thủ tục bán hàng miễn thuế cho đối tượng mua là hành khách đang thực hiện chuyến bay quốc tế đến Việt Nam	Hải quan
90	90	Thủ tục bán hàng miễn thuế cho đối tượng mua là người chờ xuất cảnh mua hàng tại cửa hàng miễn thuế trong nội địa	Hải quan
91	91	Thủ tục bán hàng miễn thuế cho tổ chức, cá nhân được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ mua hàng tại cửa hàng miễn thuế trong nội địa	Hải quan
92	92	Thủ tục bán hàng miễn thuế cho đối tượng mua là thuyền viên làm việc trên tàu biển chạy tuyến quốc tế	Hải quan
93	93	Thủ tục đối với hàng hóa đưa vào bán tại cửa hàng miễn thuế thay đổi mục đích sử dụng, chuyển tiêu thụ nội địa, tái xuất trong trường hợp hàng hóa nội địa được phép lưu thông theo quy định của pháp luật Việt Nam đưa vào bán tại cửa hàng miễn thuế sau đó đưa trở lại nội địa	Hải quan
94	94	Thủ tục miễn thuế đối với tài sản di chuyển vượt định mức miễn thuế của cơ quan, tổ chức được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động	Hải quan
95	95	Tái xuất khẩu xe ô tô, xe gắn máy của đối tượng được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ	Hải quan
96	96	Cấp giấy tạm nhập khẩu xe ô tô, xe gắn máy của đối tượng được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ	Hải quan

STT		Tên dịch vụ công	Lĩnh vực
97	97	Cấp giấy chuyển nhượng xe ô tô của đối tượng được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ	Hải quan
98	98	Thủ tục hải quan đối với nhập khẩu nguyên liệu để sản xuất, chế biến xăng, dầu	Hải quan
99	99	Thủ tục hải quan đối với xăng dầu, hóa chất, khí, nguyên liệu nhập khẩu, tạm nhập	Hải quan
100	100	Thủ tục hải quan đối với xăng dầu, hóa chất, khí, nguyên liệu xuất khẩu, tái xuất	Hải quan
101	101	Thủ tục hải quan đối với xăng dầu, hóa chất, khí chuyển tiêu thụ nội địa	Hải quan
102	102	Thủ tục hải quan đối với khí, nguyên liệu xuất khẩu, nhập khẩu bằng đường ống chuyên dụng	Hải quan
103	103	Thủ tục hải quan đối với nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất và pha chế xăng dầu, khí	Hải quan
104	104	Thủ tục hải quan đối với nguyên liệu nhập khẩu để gia công xuất khẩu xăng dầu, khí	Hải quan
105	105	Thủ tục hải quan đối với xăng dầu cung ứng xuất khẩu, tái xuất cho máy bay	Hải quan
106	106	Thủ tục hải quan đối với xuất khẩu, tái xuất xăng dầu cho tàu biển	Hải quan
107	107	Thủ tục tạm dừng hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan	Hải quan
108	108	Thủ tục chấm dứt hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan	Hải quan
109	109	Thủ tục tiếp tục hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan	Hải quan

STT		Tên dịch vụ công	Lĩnh vực
110	110	Thủ tục cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan	Hải quan
111	111	Thủ tục gia hạn mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan	Hải quan
112	112	Thủ tục cấp lại mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan	Hải quan
113	113	Thủ tục thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan	Hải quan
114	114	Thủ tục công nhận hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan	Hải quan
115	115	Thủ tục khai báo giá tạm tính đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; khai báo khoản phí bản quyền, giấy phép; các khoản tiền mà người nhập khẩu phải trả từ số tiền thu được sau khi bán lại, định đoạt, sử dụng hàng hóa nhập khẩu được chuyển trực tiếp hay gián tiếp cho người bán dưới mọi hình thức đối với trường hợp tại thời điểm đăng ký tờ khai chưa xác định được giá	Hải quan
116	116	Thủ tục xác định trước trị giá đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	Hải quan
117	117	Thủ tục xác định trước mã số hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	Hải quan
118	118	Thủ tục nộp dần tiền thuế nợ	Hải quan
119	119	Thông báo phát hành biên lai	Hải quan
120	120	Thông báo kết quả hủy biên lai	Hải quan

STT		Tên dịch vụ công	Lĩnh vực
121	121	Kiểm tra việc in, phát hành, quản lý và sử dụng biên lai	Hải quan
122	122	Thủ tục xử lý tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa	Hải quan
123	123	Thủ tục gia hạn nộp thuế	Hải quan
124	124	Thủ tục xác nhận hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế	Hải quan
125	125	Thủ tục đăng ký mới, bổ sung thời hạn sử dụng, thu hồi tài khoản truy cập Cổng thông tin tờ khai hải quan điện tử	Hải quan
126	126	Thủ tục bổ sung nội dung cung cấp thông tin tờ khai hải quan điện tử	Hải quan
127	127	Thủ tục đăng ký kết nối, hủy kết nối với Cổng thông tin tờ khai hải quan điện tử	Hải quan
128	128	Thủ tục đăng ký tài khoản người sử dụng Cổng thông tin một cửa quốc gia	Hải quan
129	129	Thủ tục khóa tài khoản người sử dụng Cổng thông tin một cửa quốc gia	Hải quan
130	130	Thủ tục kích hoạt tài khoản (đã khóa) người sử dụng Cổng thông tin một cửa quốc gia	Hải quan
131	131	Thủ tục thu hồi tài khoản người sử dụng Cổng thông tin một cửa quốc gia	Hải quan
132	132	Thủ tục đăng ký sử dụng chữ ký số để thực hiện các thủ tục hành chính hải quan một cửa	Hải quan
II		KHO BẠC NHÀ NƯỚC	

STT		Tên dịch vụ công	Lĩnh vực
133	1	Thủ tục nộp tiền vào ngân sách nhà nước	Kho bạc
134	2	Thủ tục hoàn trả các khoản thu ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước	Kho bạc
135	3	Thủ tục kiểm soát cam kết chi ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước	Kho bạc
136	4	Thủ tục kiểm soát thanh toán các khoản chi thường xuyên, chi sự nghiệp có tính chất thường xuyên, chi chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu sử dụng kinh phí sự nghiệp	Kho bạc
137	5	Thủ tục kiểm soát thanh toán vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước	Kho bạc
138	6	Thủ tục kiểm soát, thanh toán chi phí quản lý dự án đầu tư của các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước	Kho bạc
139	7	Thủ tục kiểm soát chi vốn nước ngoài qua Kho bạc Nhà nước	Kho bạc
140	8	Thủ tục hạch toán vốn ODA, vốn vay ưu đãi vào ngân sách nhà nước	Kho bạc

STT		Tên dịch vụ công	Lĩnh vực
141	9	Thủ tục đăng ký sử dụng tài khoản, bổ sung tài khoản và thay đổi mẫu dấu, mẫu chữ ký của đơn vị giao dịch tại Kho bạc Nhà nước	Kho bạc
142	10	Thủ tục tắt toán tài khoản của đơn vị giao dịch mở tại Kho bạc Nhà nước	Kho bạc
143	11	Thủ tục đối chiếu, xác nhận số dư tài khoản của đơn vị giao dịch tại Kho bạc Nhà nước	Kho bạc
III		LĨNH VỰC CHỨNG KHOÁN	
144	1	Thông báo thay đổi về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa	Chứng khoán
145	2	Giải thể công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam	Chứng khoán
146	3	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đại lý phân phối chứng chỉ quỹ đại chúng	Chứng khoán
147	4	Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đại lý phân phối chứng chỉ quỹ đại chúng	Chứng khoán

STT		Tên dịch vụ công	Lĩnh vực
148	5	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ thành viên	Chứng khoán
149	6	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ thành viên do tăng, giảm vốn điều lệ	Chứng khoán
150	7	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ thành viên, quỹ đóng, quỹ bất động sản do thay đổi thời hạn hoạt động	Chứng khoán
151	8	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ thành viên, quỹ đóng, quỹ mở, quỹ đầu tư bất động sản, quỹ hoán đổi danh mục do thay đổi ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát	Chứng khoán
152	9	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ thành viên, quỹ đóng, quỹ mở, quỹ đầu tư bất động sản, quỹ hoán đổi danh mục do thay đổi tên quỹ, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán	Chứng khoán
153	10	Hợp nhất, sáp nhập quỹ thành viên	Chứng khoán
154	11	Giải thể quỹ thành viên, quỹ đóng, quỹ mở, quỹ đầu tư bất động sản, quỹ hoán đổi danh mục	Chứng khoán
155	12	Đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đóng, quỹ mở lần đầu ra công chúng	Chứng khoán
156	13	Đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đóng ra công chúng để tăng vốn	Chứng khoán
157	14	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ đóng, quỹ mở, quỹ bất động sản	Chứng khoán

STT		Tên dịch vụ công	Lĩnh vực
158	15	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ đóng, quỹ bất động sản do tăng vốn	Chứng khoán
159	16	Hợp nhất, sáp nhập quỹ đóng, quỹ mở, quỹ bất động sản, quỹ hoán đổi danh mục	Chứng khoán
160	17	Cấp lại hoặc điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ cho quỹ hình thành sau chia, tách quỹ mở	Chứng khoán
161	18	Đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư bất động sản lần đầu ra công chúng	Chứng khoán
162	19	Đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư bất động sản ra công chúng để tăng vốn	Chứng khoán
163	20	Đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ hoán đổi danh mục lần ra công chúng	Chứng khoán
164	21	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ hoán đổi danh mục	Chứng khoán
165	22	Đăng ký chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng của công ty đầu tư chứng khoán đại chúng	Chứng khoán
166	23	Đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng để tăng vốn của công ty đầu tư chứng khoán đại chúng	Chứng khoán
167	24	Cấp Giấy phép thành lập và hoạt động công ty đầu tư chứng khoán đại chúng	Chứng khoán
168	25	Cấp Giấy phép thành lập và hoạt động công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ	Chứng khoán

STT		Tên dịch vụ công	Lĩnh vực
169	26	Điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty đầu tư chứng khoán do tăng, giảm vốn điều lệ	Chứng khoán
170	27	Điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty đầu tư chứng khoán do thay đổi tên công ty, người đại diện theo pháp luật, thay đổi công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, ngân hàng lưu ký, giám sát, thay đổi thời gian hoạt động, thay đổi trụ sở công ty	Chứng khoán
171	28	Chấp thuận hợp nhất, sáp nhập công ty đầu tư chứng khoán	Chứng khoán
172	29	Giải thể công ty đầu tư chứng khoán	Chứng khoán
173	30	Mua lại cổ phiếu	Chứng khoán
174	31	Thay đổi việc mua lại cổ phiếu	Chứng khoán
175	32	Đăng ký phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của công ty đại chúng	Chứng khoán
176	33	Đăng ký phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu	Chứng khoán
177	34	Đăng ký phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty của công ty đại chúng	Chứng khoán
III		LĨNH VỰC THUẾ	
178	1	Khai thuế bảo vệ môi trường	Thuế

STT		Tên dịch vụ công	Lĩnh vực
179	2	Khai thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính đối với hoạt động khai thác, xuất bán dầu thô, khí thiên nhiên (trừ Lô 09.1)	Thuế
180	3	Khai quyết toán thuế TNDN đối với hoạt động khai thác, xuất bán dầu thô, khí thiên nhiên (trừ Lô 09.1)	Thuế
181	4	Khai thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập từ chuyển nhượng quyền lợi tham gia hợp đồng dầu khí	Thuế
182	5	Khai quyết toán lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ	Thuế
183	6	Khai cổ tức, lợi nhuận được chia cho phần vốn nhà nước tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	Thuế
184	7	Khai thuế tài nguyên tạm tính đối với hoạt động khai thác, xuất bán dầu thô, khí thiên nhiên (trừ Lô 09.1)	Thuế
185	8	Báo cáo dự kiến sản lượng dầu khí khai thác và tỷ lệ tạm nộp thuế	Thuế
186	9	Khai thuế tạm tính cho Liên doanh Vietsovetro tại Lô 09.1	Thuế
187	10	Khai điều chỉnh thuế đặc biệt đối với khí thiên nhiên áp dụng cho Liên doanh Vietsovetro tại Lô 09.1	Thuế

STT		Tên dịch vụ công	Lĩnh vực
188	11	Khai thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính đối với thu nhập từ tiền kết dư của phần dầu để lại/ Khai phụ thu tạm tính đối với dầu lãi từ tiền kết dư của phần dầu để lại áp dụng cho Liên doanh Vietsovpetro tại Lô 09.1	Thuế
189	12	Khai quyết toán thuế tài nguyên/ Khai quyết toán phụ thu/ Khai quyết toán thuế TNDN của Liên doanh Vietsovpetro tại Lô 09.1	Thuế
190	13	Khai quyết toán thuế tài nguyên đối với hoạt động khai thác, xuất bán dầu thô, khí thiên nhiên (trừ Lô 09.1)	Thuế
191	14	Khai các khoản thu về hoa hồng dầu, khí, tiền thu về đọc và sử dụng tài liệu dầu, khí	Thuế
192	15	Khai tạm tính tiền lãi dầu, khí nước chủ nhà được chia từ các Hợp đồng phân chia sản phẩm	Thuế
193	16	Khai tạm tính tiền lãi dầu, khí nước chủ nhà được chia từ Liên doanh Vietsovpetro tại Lô 09.1	Thuế
194	17	Khai quyết toán tiền lãi dầu, khí nước chủ nhà được chia từ các Hợp đồng phân chia sản phẩm	Thuế
195	18	Khai quyết toán tiền lãi dầu, khí nước chủ nhà được chia từ Liên doanh Vietsovpetro tại Lô 09.1	Thuế
196	19	Khai phụ thu tạm tính đối với phần dầu lãi được chia của nhà thầu dầu khí khi giá dầu thô biến động tăng (trừ Lô 09.1)	Thuế

STT		Tên dịch vụ công	Lĩnh vực
197	20	Khai quyết toán phụ thu đối với phần dầu lãi được chia của nhà thầu dầu khí khi giá dầu thô biến động tăng (trừ Lô 09.1)	Thuế
198	21	Khai phí, lệ phí và các khoản thu khác do cơ quan đại diện nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài thực hiện thu	Thuế
199	22	Khai thuế giá trị gia tăng, thu nhập cá nhân, thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động khai thác tài sản bảo đảm trong thời gian chờ xử lý	Thuế
200	23	Khai thuế GTGT đối với hoạt động kinh doanh dịch vụ viễn thông	Thuế
201	24	Khai, nộp vào ngân sách nhà nước tiền thu từ chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, nguồn thu từ chuyển nhượng vốn nhà nước và chênh lệch vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ tại doanh nghiệp	Thuế
202	25	Đăng ký/thay đổi thông tin sử dụng tem điện tử	Thuế
203	26	Đăng ký kế hoạch mua/mua bổ sung tem điện tử thuốc lá hoặc tem điện tử rượu sản xuất để tiêu thụ trong nước	Thuế
204	27	Đề nghị mua tem điện tử thuốc lá hoặc tem điện tử rượu sản xuất để tiêu thụ trong nước	Thuế
205	28	Thông báo kết quả huỷ tem điện tử thuốc lá hoặc tem điện tử rượu sản xuất để tiêu thụ trong nước	Thuế

STT		Tên dịch vụ công	Lĩnh vực
206	29	Đề nghị chuyển số lượng tem còn tồn khi sáp nhập, chia, tách/chuyển cơ quan thuế quản lý tem điện tử thuốc lá hoặc tem điện tử rượu sản xuất để tiêu thụ trong nước	Thuế
207	30	Tổng hợp dữ liệu tem điện tử thuốc lá hoặc tem điện tử rượu sản xuất để tiêu thụ trong nước	Thuế
208	31	Báo cáo mất, cháy tem điện tử thuốc lá hoặc tem điện tử rượu sản xuất để tiêu thụ trong nước	Thuế
209	32	Khai thuế GTGT đối với phương pháp khấu trừ đối với hoạt động sản xuất kinh doanh	Thuế
210	33	Khai thuế Giá trị gia tăng đối với phương pháp trực tiếp trên giá trị gia tăng	Thuế
211	34	Khai thuế Giá trị gia tăng đối với phương pháp trực tiếp trên doanh thu	Thuế
212	35	Khai thuế thu nhập doanh nghiệp tính theo tỷ lệ % trên doanh thu	Thuế
213	36	Hoàn thuế giá trị gia tăng đối với dự án đầu tư	Thuế
214	37	Hoàn thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu	Thuế
215	38	Khai thuế tiêu thụ đặc biệt đối với cơ sở sản xuất, pha chế xăng sinh học	Thuế

STT		Tên dịch vụ công	Lĩnh vực
216	39	Khai thuế giá trị gia tăng đối với phương pháp khấu trừ thuế đối với dự án đầu tư thuộc diện được hoàn thuế	Thuế
217	40	Khai bổ sung hồ sơ khai thuế	Thuế
218	41	Khai thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản, khai thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động bán toàn bộ Công ty TNHH một thành viên do tổ chức làm chủ sở hữu dưới hình thức chuyển nhượng vốn có gắn với bất động sản theo lần phát sinh	Thuế
219	42	Khai thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động chuyển nhượng vốn của nhà thầu nước ngoài	Thuế
220	43	Tra soát, điều chỉnh thông tin thu, nộp ngân sách nhà nước	Thuế
221	44	Khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp theo phương pháp doanh thu - chi phí	Thuế
222	45	Hoàn thuế GTGT đối với hàng hóa, dịch vụ mua trong nước bằng nguồn tiền viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức	Thuế
223	46	Hoàn thuế GTGT đối với trường hợp được hưởng ưu đãi miễn trừ ngoại giao	Thuế
224	47	Hoàn thuế GTGT đối với chương trình, dự án sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) không hoàn lại	Thuế

STT		Tên dịch vụ công	Lĩnh vực
225	48	Hoàn thuế khi chuyển đổi sở hữu, chuyển đổi doanh nghiệp, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, phá sản, chấm dứt hoạt động đối với trường hợp không thuộc diện cơ quan thuế kiểm tra tại trụ sở của người nộp thuế	Thuế
226	49	Hoàn nộp thừa các loại thuế và các khoản thu khác	Thuế
227	50	Thủ tục xác nhận thực hiện nghĩa vụ thuế	Thuế
228	51	Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là đơn vị độc lập, đơn vị chủ quản của tổ chức kinh tế, tổ chức khác	Thuế
229	52	Khai thuế tiêu thụ đặc biệt đối với sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế TTĐB	Thuế
230	53	Đăng ký thuế trong trường hợp tạm ngừng hoạt động, kinh doanh; tiếp tục hoạt động, kinh doanh trước thời hạn	Thuế
231	54	Chấm dứt hiệu lực mã số thuế của doanh nghiệp, hợp tác xã bị chia, bị sáp nhập, bị hợp nhất; Chấm dứt hoạt động đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp và hợp tác xã	Thuế
232	55	Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh	Thuế

STT		Tên dịch vụ công	Lĩnh vực
233	56	Đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế đối với người nộp thuế là tổ chức kinh tế, tổ chức khác (kể cả đơn vị phụ thuộc); hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thay đổi các thông tin đăng ký thuế không làm thay đổi cơ quan thuế quản lý	Thuế
234	57	Chấm dứt hiệu lực mã số thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh	Thuế
235	58	Đăng ký giao dịch với cơ quan thuế bằng phương thức điện tử/Đăng ký thay đổi, bổ sung thông tin giao dịch điện tử	Thuế
236	59	Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là đơn vị phụ thuộc của tổ chức kinh tế (trừ tổ hợp tác), tổ chức khác	Thuế
237	60	Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là là Người điều hành, công ty điều hành chung, doanh nghiệp liên doanh và tổ chức được Chính phủ Việt Nam giao nhiệm vụ tiếp nhận phần lãi được chia của Việt Nam thuộc các mỏ dầu khí tại vùng chồng lấn (sau đây gọi chung là Người điều hành)	Thuế
238	61	Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí (bao gồm cả nhà thầu nhận phần lãi được chia), Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam đại diện nước chủ nhà nhận phần lãi được chia từ các hợp đồng dầu khí	Thuế
239	62	Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là nhà thầu, nhà thầu phụ nước ngoài trực tiếp kê khai, nộp thuế nhà thầu hoặc các nghĩa vụ thuế khác trừ thuế nhà thầu do bên Việt Nam khấu trừ nộp thay với cơ quan thuế.	Thuế

STT		Tên dịch vụ công	Lĩnh vực
240	63	Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là tổ chức, cá nhân khấu trừ nộp thay cho nhà thầu, nhà thầu phụ nước ngoài; Tổ chức hợp tác kinh doanh với cá nhân, tổ chức được giao quản lý hợp đồng hợp tác kinh doanh với tổ chức nhưng không thành lập pháp nhân riêng; Ngân hàng thương mại, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán hoặc tổ chức, cá nhân được nhà cung cấp ở nước ngoài ủy quyền có trách nhiệm khấu trừ và nộp thuế thay cho nhà cung cấp ở nước ngoài; Tổ chức, cá nhân được cơ quan thuế ủy nhiệm thu	Thuế
241	64	Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự và cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế tại Việt Nam thuộc đối tượng được hoàn thuế GTGT đối với đối tượng hưởng ưu đãi miễn trừ ngoại giao	Thuế
242	65	Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là tổ chức, cá nhân nước ngoài và tổ chức ở Việt Nam sử dụng tiền viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại của nước ngoài mua hàng hoá, dịch vụ có thuế giá trị gia tăng ở Việt Nam để viện trợ không hoàn lại, viện trợ nhân đạo; Chủ dự án ODA thuộc diện được hoàn thuế giá trị gia tăng, Văn phòng đại diện nhà tài trợ dự án ODA, tổ chức do phía nhà tài trợ nước ngoài chỉ định quản lý chương trình, dự án ODA không hoàn lại	Thuế
243	66	Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là cá nhân thuộc diện nộp thuế thu nhập cá nhân và các loại thuế khác – Đối với cá nhân nộp hồ sơ đăng ký thuế qua cơ quan chi trả thu nhập	Thuế
244	67	Đăng ký thuế lần đầu cho người phụ thuộc để giảm trừ gia cảnh của người nộp thuế thu nhập cá nhân - Cá nhân thuộc diện nộp thuế thu nhập cá nhân nộp hồ sơ đăng ký thuế cho người phụ thuộc trực tiếp tại cơ quan thuế	Thuế

STT		Tên dịch vụ công	Lĩnh vực
245	68	Đăng ký thuế lần đầu cho người phụ thuộc để giảm trừ gia cảnh của người nộp thuế thu nhập cá nhân - Cá nhân thuộc diện nộp thuế thu nhập cá nhân nộp hồ sơ đăng ký thuế cho người phụ thuộc qua cơ quan chi trả thu nhập	Thuế
246	69	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký thuế, Thông báo mã số thuế, Giấy chứng nhận đăng ký thuế dành cho cá nhân, Thông báo mã số thuế người phụ thuộc	Thuế
247	70	Đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế đối với người nộp thuế là tổ chức kinh tế, tổ chức khác (kể cả đơn vị phụ thuộc) thay đổi các thông tin đăng ký thuế không làm thay đổi cơ quan thuế quản lý	Thuế
248	71	Đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế đối với người nộp thuế là cá nhân có phát sinh thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân (trừ cá nhân kinh doanh) và người phụ thuộc - Trường hợp cá nhân đăng ký thay đổi thông tin qua cơ quan chi trả thu nhập	Thuế
249	72	Đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế đối với nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí khi chuyển nhượng phần vốn góp trong tổ chức kinh tế hoặc chuyển nhượng một phần quyền lợi tham gia hợp đồng dầu khí	Thuế
250	73	Chấm dứt hiệu lực mã số thuế đối với tổ chức kinh tế, tổ chức khác - Trừ đơn vị phụ thuộc	Thuế
251	74	Chấm dứt hiệu lực mã số thuế đối với tổ chức kinh tế, tổ chức khác - Đối với đơn vị phụ thuộc	Thuế
252	75	Chấm dứt hiệu lực mã số thuế đối với nhà thầu, nhà đầu tư tham gia hợp đồng dầu khí, nhà thầu nước ngoài	Thuế

STT		Tên dịch vụ công	Lĩnh vực
253	76	Khôi phục mã số thuế	Thuế
254	77	Chấm dứt hiệu lực mã số thuế trong trường hợp chia, sáp nhập, hợp nhất tổ chức - Đối với tổ chức bị chia, tổ chức bị sáp nhập, tổ chức bị hợp nhất	Thuế
255	78	Đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế trong trường hợp tách, sáp nhập tổ chức - Đối với tổ chức bị tách, tổ chức nhận sáp nhập	Thuế
256	79	Chấm dứt hiệu lực mã số thuế đối với trường hợp chuyển đổi mô hình hoạt động của tổ chức kinh tế và tổ chức khác (Chuyển đơn vị phụ thuộc thành đơn vị độc lập hoặc ngược lại) - Đối với đơn vị trước chuyển đổi	Thuế
257	80	Chấm dứt hiệu lực mã số thuế đối với trường hợp chuyển đổi mô hình hoạt động của tổ chức kinh tế và tổ chức khác (chuyển đơn vị độc lập thành đơn vị phụ thuộc của một đơn vị chủ quản khác) – Đối với đơn vị trước chuyển đổi	Thuế
258	81	Đăng ký thuế đối với trường hợp chuyển đổi mô hình hoạt động của tổ chức kinh tế và tổ chức khác (chuyển đơn vị độc lập thành đơn vị phụ thuộc của một đơn vị chủ quản khác) – Đối với đơn vị sau chuyển đổi	Thuế
259	82	Chấm dứt hiệu lực mã số thuế đối với trường hợp chuyển đổi mô hình hoạt động của tổ chức kinh tế và tổ chức khác (Chuyển đơn vị phụ thuộc của một đơn vị chủ quản thành đơn vị phụ thuộc của một đơn vị chủ quản khác) – Đối với đơn vị trước chuyển đổi	Thuế

STT		Tên dịch vụ công	Lĩnh vực
260	83	Đăng ký thuế đối với trường hợp chuyển đổi mô hình hoạt động của tổ chức kinh tế và tổ chức khác (Chuyển đơn vị phụ thuộc của một đơn vị chủ quản thành đơn vị phụ thuộc của một đơn vị chủ quản khác) – Đối với đơn vị sau chuyển đổi	Thuế
261	84	Đăng ký thuế trong trường hợp chia, tách, hợp nhất tổ chức - Đối với tổ chức mới được chia, tổ chức được tách, tổ chức hợp nhất	Thuế
262	85	Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là cá nhân thuộc diện nộp thuế thu nhập cá nhân và các loại thuế khác - Đối với cá nhân nộp hồ sơ đăng ký thuế trực tiếp với cơ quan thuế	Thuế
263	86	Đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế đối với người nộp thuế là cá nhân có phát sinh thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân (trừ cá nhân kinh doanh) và người phụ thuộc - Trường hợp cá nhân đăng ký thay đổi thông tin trực tiếp tại cơ quan thuế	Thuế
264	87	Khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp đối với người nộp thuế có đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh khác tỉnh, thành phố nơi có trụ sở chính có thu nhập được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp	Thuế
265	88	Thủ tục bù trừ số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa	Thuế
266	89	Hoàn thuế giá trị gia tăng theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật	Thuế

STT		Tên dịch vụ công	Lĩnh vực
267	90	Hoàn thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa, dịch vụ mua trong nước bằng nguồn tiền viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ và khắc phục hậu quả thiên tai tại Việt Nam	Thuế
268	91	Hoàn thuế tiêu thụ đặc biệt đối với xăng sinh học	Thuế
269	92	Hoàn thuế giá trị gia tăng đối với ngân hàng thương mại là đại lý hoàn thuế giá trị gia tăng cho khách xuất cảnh	Thuế
270	93	Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là đơn vị độc lập, đơn vị chủ quản của tổ chức kinh tế (trừ tổ hợp tác), tổ chức khác	Thuế
271	94	Đăng ký thuế đối với trường hợp chuyển đổi mô hình hoạt động của tổ chức kinh tế và tổ chức khác (Chuyển đơn vị phụ thuộc thành đơn vị độc lập hoặc ngược lại) – Đối với đơn vị sau chuyển đổi	Thuế
272	95	Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là đơn vị phụ thuộc của tổ chức kinh tế, tổ chức khác	Thuế
273	96	Đăng ký sử dụng dịch vụ T-VAN/ Đăng ký thay đổi, bổ sung thông tin đăng ký sử dụng dịch vụ T-VAN/ Đăng ký ngừng sử dụng dịch vụ T-VAN	Thuế
274	97	Thay đổi kỳ tính thuế giá trị gia tăng, thu nhập cá nhân từ tháng sang quý	Thuế

STT		Tên dịch vụ công	Lĩnh vực
275	98	Đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế đối với người nộp thuế là doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức kinh tế, tổ chức khác (kể cả đơn vị phụ thuộc); hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thay đổi thông tin về địa chỉ trụ sở dẫn đến làm thay đổi cơ quan thuế quản lý - Cơ quan thuế nơi người nộp thuế chuyển đi	Thuế
276	99	Đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế đối với người nộp thuế là doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức kinh tế, tổ chức khác (kể cả đơn vị phụ thuộc) thay đổi thông tin về địa chỉ trụ sở dẫn đến làm thay đổi cơ quan thuế quản lý - Cơ quan thuế nơi người nộp thuế chuyển đi	Thuế
277	100	Khai thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đối với tổ chức - Trường hợp khai thuế sử dụng đất phi nông nghiệp phải nộp của năm	Thuế
278	101	Khai thuế tài nguyên đối với cơ sở khai thác tài nguyên	Thuế
279	102	Khai phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản .	Thuế
280	103	Khai quyết toán phí, lệ phí khác thuộc ngân sách nhà nước.	Thuế
281	104	Khai quyết toán phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản	Thuế
282	105	Khai phí, lệ phí khác thuộc ngân sách nhà nước	Thuế

STT		Tên dịch vụ công	Lĩnh vực
283	106	Khai thuế đối với tái bảo hiểm nước ngoài	Thuế
284	107	Khai thuế đối với nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài nộp thuế GTGT theo phương pháp tính trực tiếp trên GTGT, nộp thuế TNDN theo tỷ lệ % tính trên doanh thu đối với hoạt động kinh doanh và các loại thu nhập khác	Thuế
285	108	Khai quyết toán thuế đối với nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài nộp thuế GTGT tính trực tiếp trên GTGT, nộp thuế TNDN theo tỷ lệ % tính trên doanh thu đối với hoạt động kinh doanh và các loại thu nhập khác	Thuế
286	109	Khai quyết toán thuế TNDN đối với Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, nộp thuế TNDN theo tỷ lệ % tính trên doanh thu	Thuế
287	110	Khai lệ phí môn bài	Thuế
288	111	Khai thuế đối với hãng vận tải nước ngoài	Thuế
289	112	Khai thuế đối với hãng hàng không nước ngoài	Thuế
290	113	Khai quyết toán thuế tài nguyên đối với cơ sở khai thác tài nguyên	Thuế

STT		Tên dịch vụ công	Lĩnh vực
291	114	Khai thuế đối với Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, nộp thuế TNDN theo tỷ lệ % tính trên doanh thu	Thuế
292	115	Báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn đặt in đã mua của cơ quan thuế và bảng kê hóa đơn sử dụng trong kỳ/Gửi dữ liệu hóa đơn đến cơ quan thuế đối với trường hợp mua hóa đơn của cơ quan thu	Thuế
293	116	Báo cáo biên lai đặt in, tự in trong trường hợp mất, cháy, hỏng	Thuế
294	117	Thông báo điều chỉnh thông tin tại thông báo phát hành biên lai	Thuế
295	118	Xử lý mất, cháy, hỏng hoá đơn đặt in đã mua của cơ quan thuế	Thuế
296	119	Thông báo phát hành biên lai đặt in/tự in	Thuế
297	120	Báo cáo tình hình sử dụng Biên lai thu phí, lệ phí	Thuế
298	121	Khai thuế sử dụng đất nông nghiệp	Thuế
299	122	Khai thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo từng lần phát sinh.	Thuế

STT		Tên dịch vụ công	Lĩnh vực
300	123	Khai thuế đối với cá nhân cho thuê tài sản trực tiếp khai thuế với cơ quan thuế.	Thuế
301	124	Khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân đối với tổ chức, cá nhân trả thu nhập từ tiền lương, tiền công	Thuế
302	125	Khai thuế thu nhập cá nhân tháng/quý của tổ chức khấu trừ thuế đối với cá nhân trực tiếp ký hợp đồng làm đại lý xổ số, đại lý bảo hiểm, đại lý bán hàng đa cấp, cá nhân có thu nhập từ phí tích lũy bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm không bắt buộc khác.	Thuế
303	126	Cấp hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế theo từng lần phát sinh	Thuế
304	127	Khai thay thuế thu nhập cá nhân đối với tổ chức có cá nhân chuyển nhượng phần vốn góp, chứng khoán trong trường hợp cá nhân chưa hoàn thành nghĩa vụ thuế	Thuế
305	128	Khai thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân không cư trú có thu nhập từ kinh doanh, cá nhân có thu nhập từ đầu tư vốn, bản quyền, nhượng quyền thương mại, trúng thưởng được trả từ nước ngoài	Thuế
306	129	Khai thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân có thu nhập từ chuyển nhượng phần vốn góp, chứng khoán trong trường hợp góp vốn bằng phần vốn góp, chứng khoán	Thuế
307	130	Khai thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân nhận cổ tức bằng chứng khoán, lợi tức ghi tăng vốn, chứng khoán thưởng cho cổ đông hiện hữu	Thuế

STT		Tên dịch vụ công	Lĩnh vực
308	131	Hoàn thuế TNCN đối với tổ chức, cá nhân trả thu nhập từ tiền lương, tiền công thực hiện quyết toán cho các cá nhân có ủy quyền quyết toán thuế	Thuế
309	132	Khai quyết toán thuế/ Hoàn thuế đối với cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công quyết toán thuế trực tiếp với cơ quan thuế	Thuế
310	133	Khai thuế thu nhập cá nhân tháng/quý của tổ chức, cá nhân trả thu nhập khấu trừ thuế đối với tiền lương, tiền công	Thuế
311	134	Khai thuế thu nhập cá nhân tháng/quý đối với cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công (bao gồm cả cá nhân nhận thưởng bằng cổ phiếu từ đơn vị sử dụng lao động) thuộc diện khai thuế thu nhập cá nhân trực tiếp với cơ quan thuế.	Thuế
312	135	Khai thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán.	Thuế
313	136	Điều chỉnh doanh thu và mức thuế khoán của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh (Hộ khoán)	Thuế
314	137	Khai thuế năm đối với cá nhân trực tiếp ký hợp đồng làm đại lý xổ số, đại lý bảo hiểm, đại lý bán hàng đa cấp và hoạt động kinh doanh khác	Thuế

STT		Tên dịch vụ công	Lĩnh vực
315	138	Khai thuế thu nhập cá nhân tháng/quý của tổ chức, cá nhân trả thu nhập thực hiện khấu trừ thuế đối với thu nhập từ đầu tư vốn, từ chuyển nhượng chứng khoán, từ bản quyền, từ nhượng quyền thương mại, từ trúng thưởng của cá nhân cư trú và cá nhân không cư trú; từ kinh doanh của cá nhân không cư trú; Tổ chức, cá nhân khi nhận chuyển nhượng vốn góp của cá nhân không cư trú	Thuế
316	139	Khai thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân có thu nhập từ chuyển nhượng vốn góp, chứng khoán khai trực tiếp với cơ quan thuế	Thuế
317	140	Khai thuế thu nhập cá nhân đối với tổ chức khai thay cho cá nhân có thu nhập từ đầu tư vốn do nhận cổ tức bằng chứng khoán, lợi tức ghi tăng vốn, chứng khoán thưởng cho cổ đông hiện hữu	Thuế
318	141	Khai thuế thu nhập cá nhân đối với tổ chức nơi cá nhân góp vốn khai thay cho cá nhân trong trường hợp cá nhân góp vốn bằng phần vốn góp, chứng khoán	Thuế
319	142	Khai thuế đối với tổ chức khai thay và nộp thay cho cá nhân trong trường hợp cá nhân hợp tác kinh doanh với tổ chức, tổ chức chi trả cho cá nhân đạt doanh số, tổ chức là chủ sở hữu sàn giao dịch thương mại điện tử, tổ chức tại Việt Nam là đối tác của nhà cung cấp nền tảng số ở nước ngoài	Thuế
320	143	Khai thuế đối với tổ chức, cá nhân khai thay cho cá nhân có tài sản cho thuê	Thuế
321	144	Khai thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp kê khai	Thuế

STT		Tên dịch vụ công	Lĩnh vực
322	145	Đăng ký sử dụng hoá đơn điện tử/ Thay đổi nội dung đăng ký sử dụng hoá đơn điện tử/ Ủy nhiệm lập hóa đơn điện tử/ Chuyển đổi áp dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế	Thuế
323	146	Xử lý hoá đơn điện tử của cơ quan thuế có sai sót	Thuế
324	147	Chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế	Thuế
IV		TÀI CHÍNH CHUNG	
325	1	Thủ tục đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách	Tin học - Thống kê
326	2	Đăng ký thi chứng chỉ bảo hiểm, chứng chỉ môi giới bảo hiểm, chứng chỉ về phụ trợ bảo hiểm	Bảo hiểm
327	3	Đăng ký dự thi chứng chỉ kiểm toán viên đối với người đã có chứng chỉ kế toán viên	Kế toán, Kiểm toán
328	4	Đăng ký dự thi cấp chứng chỉ kiểm toán viên (đăng ký lần đầu)	Kế toán, Kiểm toán
329	5	Đăng ký dự thi cấp chứng chỉ kế toán viên (đăng ký lần đầu)	Kế toán, Kiểm toán
330	6	Đăng ký dự thi cấp chứng chỉ kiểm toán viên và chứng chỉ kế toán viên (đăng ký thi lại các môn chưa đạt hoặc thi tiếp các môn chưa thi)	Kế toán, Kiểm toán
331	7	Đăng ký dự thi sát hạch đối với người có chứng chỉ chuyên gia kế toán hoặc chứng chỉ kiểm toán viên nước ngoài	Kế toán, Kiểm toán
332	8	Đăng ký cấp Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán (Cấp mới)	Kế toán, Kiểm toán

STT		Tên dịch vụ công	Lĩnh vực
333	9	Đăng ký cấp Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán (điều chỉnh)	Kế toán, Kiểm toán
334	10	Đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán	Kế toán, Kiểm toán
335	11	Đăng ký kinh doanh dịch vụ kiểm toán cho chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán	Kế toán, Kiểm toán
336	12	Đăng ký tham gia kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng	Kế toán, Kiểm toán
337	13	Đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán cho chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam	Kế toán, Kiểm toán
338	14	Đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán (cấp lần đầu)	Kế toán, Kiểm toán
339	15	Đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán (cấp lại)	Kế toán, Kiểm toán
340	16	Đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán (điều chỉnh)	Kế toán, Kiểm toán
341	17	Đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán cho Chi nhánh doanh nghiệp kế toán nước ngoài tại Việt Nam	Kế toán, Kiểm toán
342	18	Đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán (cấp lần đầu)	Kế toán, Kiểm toán
343	19	Đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán	Kế toán, Kiểm toán
344	20	Đăng ký cấp Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán (cấp mới)	Kế toán, Kiểm toán

STT		Tên dịch vụ công	Lĩnh vực
345	21	Đăng ký cấp Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán khi Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán hết thời hạn	Kế toán, Kiểm toán
346	22	Đăng ký cấp Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán khi kế toán viên hành nghề bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán	Kế toán, Kiểm toán
347	23	Đăng ký cấp Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán khi kế toán viên thay đổi nơi làm việc hoặc nơi đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán	Kế toán, Kiểm toán
348	24	Đăng ký cấp Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán khi thay đổi tên của doanh nghiệp dịch vụ kế toán nơi kế toán viên hành nghề đăng ký hành nghề	Kế toán, Kiểm toán
349	25	Đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán	Kế toán, Kiểm toán

Phụ lục II
DANH MỤC DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN MỘT PHẦN CỦA BỘ TÀI CHÍNH
(Kèm theo Quyết định số 1131/BTC-THTK ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ Tài chính)

STT		Tên dịch vụ công	Lĩnh vực
I		LĨNH VỰC HẢI QUAN	
1	1	Thủ tục hải quan nhập khẩu kim cương thô	Hải quan
2	2	Thủ tục hải quan xuất khẩu kim cương thô	Hải quan
3	3	Thủ tục thuê kho bên ngoài doanh nghiệp chế xuất để lưu giữ nguyên liệu, sản phẩm của doanh nghiệp chế xuất, quản lý hải quan đối với hàng hóa đưa vào, đưa ra kho	Hải quan
4	4	Thủ tục đề nghị, gia hạn và chấm dứt thời hạn kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có yêu cầu bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ và bổ sung, thay đổi thông tin đề nghị kiểm tra, giám sát	Hải quan
5	5	Thủ tục đề nghị tạm dừng, gia hạn tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có yêu cầu bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ	Hải quan
6	6	Thủ tục thành lập địa điểm kiểm tra là chân công trình hoặc kho của công trình, nơi sản xuất	Hải quan
7	7	Thủ tục hải quan đối với gói, kiện hàng hóa nhập khẩu có giá trị hải quan trong định mức miễn thuế nhập khẩu theo quy định tại Điều 8 và Điều 29 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 1/9/2019 của Chính phủ và không thuộc mặt hàng phải có giấy phép nhập khẩu, kiểm tra chuyên ngành gửi qua dịch vụ bưu chính	Hải quan
8	8	Thủ tục mở rộng, thu hẹp, di chuyển, chuyển quyền sở hữu của cửa hàng miễn thuế	Hải quan
9	9	Thủ tục xác nhận kho xăng dầu đủ điều kiện kiểm tra, giám sát của cơ quan hải quan	Hải quan

STT	Tên dịch vụ công	Lĩnh vực
10	10 Thủ tục tạm dừng hoạt động/ hoạt động trở lại kho ngoại quan; kho bảo thuế; địa điểm thu gom hàng lẻ; kho xăng dầu; kho hàng không kéo dài; địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tập trung; địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát tập trung đối với hàng bưu chính, chuyển phát nhanh; địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu ở khu vực biên giới; kho bãi, địa điểm trong khu vực cảng biển, cảng thủy nội địa, cảng hàng không quốc tế, ga đường sắt liên vận quốc tế đủ điều kiện tập kết, kiểm tra, giám sát hải quan	Hải quan
11	11 Thủ tục tạm dừng hoạt động kinh doanh/ hoạt động kinh doanh trở lại cửa hàng miễn thuế	Hải quan
12	12 Thủ tục công nhận kho bảo thuế	Hải quan
13	13 Thủ tục mở rộng, thu hẹp, di chuyển, chuyển quyền sở hữu kho ngoại quan, kho bảo thuế; địa điểm thu gom hàng lẻ; kho xăng dầu; kho hàng không kéo dài; địa điểm làm thủ tục hải quan tại cảng xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa được thành lập trong nội địa; địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tập trung; địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát tập trung đối với hàng bưu chính, chuyển phát nhanh; địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu ở khu vực biên giới; kho bãi, địa điểm trong khu vực cảng biển, cảng thủy nội địa, cảng hàng không quốc tế, ga đường sắt liên vận quốc tế đủ điều kiện tập kết, kiểm tra, giám sát hải quan	Hải quan
14	14 Thủ tục công nhận kho bãi, địa điểm trong khu vực cảng biển, cảng thủy nội địa, cảng hàng không quốc tế, ga đường sắt liên vận quốc tế đủ điều kiện tập kết, kiểm tra, giám sát hải quan	Hải quan
15	15 Thủ tục tạm dừng hoạt động/ hoạt động trở lại của địa điểm làm thủ tục hải quan tại cảng xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa được thành lập trong nội địa	Hải quan
16	16 Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh cửa hàng miễn thuế	Hải quan
17	17 Thủ tục thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh cửa hàng miễn thuế	Hải quan

STT		Tên dịch vụ công	Lĩnh vực
18	18	Thủ tục chấm dứt hoạt động kho ngoại quan; kho bảo thuế; địa điểm thu gom hàng lẻ; kho xăng dầu; kho hàng không kéo dài; địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tập trung; địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát tập trung đối với hàng bưu chính, chuyển phát nhanh; địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu ở khu vực biên giới; kho bãi, địa điểm trong khu vực cảng biển, cảng thủy nội địa, cảng hàng không quốc tế, ga đường sắt liên vận quốc tế đủ điều kiện tập kết, kiểm tra, giám sát hải quan	Hải quan
19	19	Thủ tục công nhận địa điểm thu gom hàng lẻ	Hải quan
20	20	Thủ tục công nhận kho ngoại quan	Hải quan
21	21	Thủ tục công nhận kho hàng không kéo dài	Hải quan
22	22	Thủ tục công nhận địa điểm làm thủ tục hải quan tại cảng xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa được thành lập trong nội địa	Hải quan
23	23	Thủ tục công nhận địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tập trung; địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát tập trung đối với hàng bưu chính, chuyển phát nhanh; địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu ở khu vực biên giới	Hải quan
24	24	Thủ tục chấm dứt hoạt động địa điểm làm thủ tục hải quan tại cảng xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa được thành lập trong nội địa	Hải quan
25	25	Thủ tục nhập khẩu, tạm nhập khẩu xe ô tô, xe gắn máy không nhằm mục đích thương mại	Hải quan
26	26	Thủ tục tái xuất khẩu xe ô tô, xe gắn máy đã tạm nhập khẩu miễn thuế	Hải quan
27	27	Thủ tục chuyển nhượng, cho, tặng xe ô tô, xe gắn máy đã tạm nhập khẩu miễn thuế	Hải quan
28	28	Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hoá trung chuyển tại cảng biển	Hải quan

STT		Tên dịch vụ công	Lĩnh vực
29	29	Thủ tục hải quan đối với hàng hóa vận chuyển độc lập	Hải quan
30	30	Thủ tục hải quan đối với hàng hóa vận chuyển kết hợp	Hải quan
31	31	Thủ tục hải quan, giám sát hải quan đối với hàng hóa vận chuyển giữa kho hàng miễn thuế với tàu bay để bán hàng miễn thuế trên các chuyến bay quốc tế đi và đến Việt Nam	Hải quan
32	32	Thủ tục đối với hàng hóa tiêu hủy, hàng mẫu, hàng thử, túi, bao bì nhập khẩu để dựng hàng miễn thuế	Hải quan
33	33	Thủ tục đối với tiền mặt của doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế đưa vào, đưa ra khu cách ly, khu vực hạn chế	Hải quan
34	34	Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa miễn thuế trong trường hợp một doanh nghiệp có nhiều cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế tại nhiều địa điểm khác nhau chịu sự quản lý của các Chi Cục HQ, Cục HQ tỉnh, thành phố khác nhau	Hải quan
35	35	Tạm nhập khẩu xe ô tô, xe gắn máy của đối tượng được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ	Hải quan
36	36	Chuyển nhượng xe ô tô của đối tượng được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ	Hải quan
37	37	Thủ tục hải quan đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu chuyển cửa khẩu thực hiện thủ tục theo hình thức vận chuyển độc lập	Hải quan
38	38	Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hoá quá cảnh	Hải quan
39	39	Thủ tục hải quan đối với xăng dầu, hóa chất, khí quá cảnh	Hải quan
40	40	Thủ tục thi cấp chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan	Hải quan

STT		Tên dịch vụ công	Lĩnh vực
41	41	Thủ tục cấp chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan đối với công chức hải quan đã chuyển công tác, nghỉ hưu hoặc nghỉ việc	Hải quan
42	42	Thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của thương nhân qua cửa khẩu biên giới	Hải quan
43	43	Thủ tục chấm dứt đại lý hoàn thuế giá trị gia tăng với ngân hàng thương mại được lựa chọn làm đại lý hoàn thuế giá trị gia tăng	Hải quan
44	44	Thủ tục xét hoàn thuế xe ô tô chuyên dùng được sản xuất, lắp ráp từ xe ô tô sát xi	Hải quan
45	45	Thủ tục lựa chọn ngân hàng thương mại là đại lý hoàn thuế giá trị gia tăng	Hải quan
46	46	Thủ tục đăng ký tham gia Chương trình ưu đãi thuế công nghiệp hỗ trợ (CNHT) ô tô	Hải quan
47	47	Thủ tục áp dụng mức thuế suất 0% của Chương trình ưu đãi thuế CNHT ô tô	Hải quan
48	48	Thủ tục giảm thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu trong thông quan thuộc thẩm quyền của Chi Cục HQ	Hải quan
49	49	Thủ tục miễn thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	Hải quan
50	50	Thủ tục thông báo danh mục hàng hóa miễn thuế dự kiến xuất khẩu, nhập khẩu đối với các trường hợp thông báo Danh mục miễn thuế	Hải quan
51	51	Thủ tục hoàn thuế, hoàn tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	Hải quan
52	52	Thủ tục giảm thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu sau thông quan thuộc thẩm quyền của Cục HQ	Hải quan
53	53	Thủ tục không thu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu	Hải quan
54	54	Thủ tục đăng ký tham gia Chương trình ưu đãi thuế để sản xuất, lắp ráp xe ô tô	Hải quan
55	55	Thủ tục áp dụng mức thuế suất 0% của nhóm 98.49	Hải quan

STT		Tên dịch vụ công	Lĩnh vực
56	56	Thủ tục kiểm tra khoản giảm giá đối với hàng nhập khẩu thuộc thẩm quyền của TCHQ	Hải quan
57	57	Thủ tục kiểm tra khoản giảm giá đối với hàng hóa nhập khẩu thuộc thẩm quyền của Cục HQ tỉnh, liên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Hải quan
58	58	Thủ tục tham vấn trị giá đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	Hải quan
59	59	Thủ tục phân loại máy liên hợp hoặc tổ hợp máy thuộc các Chương 84, Chương 85 và Chương 90 của Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam	Hải quan
60	60	Thủ tục phân loại máy móc, thiết bị nguyên chiếc ở dạng tháo rời	Hải quan
61	61	Thủ tục công nhận doanh nghiệp ưu tiên trong lĩnh vực hải quan	Hải quan
II		LĨNH VỰC CHỨNG KHOÁN	
62	1	Đăng ký chào mua công khai	Chứng khoán
63	2	Đề nghị chấp thuận cho tổ chức nước ngoài được sở hữu trên 49% vốn điều lệ của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán	Chứng khoán
64	3	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán	Chứng khoán
65	4	Chấm dứt hoạt động cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán tự nguyện	Chứng khoán
66	5	Đăng ký làm ngân hàng thanh toán đối với ngân hàng thương mại	Chứng khoán
67	6	Bổ sung nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán của công ty chứng khoán	Chứng khoán

STT		Tên dịch vụ công	Lĩnh vực
68	7	Rút nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán của công ty chứng khoán	Chứng khoán
69	8	Thay đổi tên, địa chỉ trụ sở chính, vốn điều lệ của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán	Chứng khoán
70	9	Thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán	Chứng khoán
71	10	Thay đổi tên, địa chỉ trụ sở chính, vốn cấp cho chi nhánh, giám đốc chi nhánh, trưởng văn phòng đại diện công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán nước ngoài tại Việt Nam	Chứng khoán
72	11	Gia hạn hoạt động văn phòng đại diện công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán nước ngoài tại Việt Nam	Chứng khoán
73	12	Thay đổi tên, địa chỉ trụ sở chính của tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài có chi nhánh, văn phòng đại diện công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán nước ngoài tại Việt Nam	Chứng khoán
74	13	Đăng ký phát hành, chào bán cổ phần, tăng vốn điều lệ của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, chi nhánh công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam	Chứng khoán
75	14	Đăng ký giảm vốn điều lệ của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, chi nhánh công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán nước ngoài tại Việt Nam	Chứng khoán
76	15	Bổ sung nghiệp vụ chi nhánh trong nước của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán	Chứng khoán
77	16	Thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện trong nước của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán	Chứng khoán
78	17	Rút nghiệp vụ, đóng cửa chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện trong nước của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán	Chứng khoán
79	18	Thành lập chi nhánh, công ty con, văn phòng đại diện tại nước ngoài của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán	Chứng khoán
80	19	Đóng cửa chi nhánh, công ty con, văn phòng đại diện tại nước ngoài của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán	Chứng khoán
81	20	Thay đổi tên, địa điểm chi nhánh, văn phòng đại diện, phòng giao dịch, giám đốc chi nhánh của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán	Chứng khoán
82	21	Đăng ký cung cấp dịch vụ của công ty chứng khoán	Chứng khoán
83	22	Chấm dứt hoạt động cung cấp dịch vụ của công ty chứng khoán	Chứng khoán

STT		Tên dịch vụ công	Lĩnh vực
84	23	Tạm ngừng hoạt động công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, chi nhánh công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam	Chứng khoán
85	24	Thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán và tất toán tài sản của khách hàng của công ty chứng khoán, chi nhánh công ty chứng khoán nước ngoài tại Việt Nam	Chứng khoán
86	25	Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam	Chứng khoán
87	26	Thu hồi chứng chỉ hành nghề chứng khoán	Chứng khoán
88	27	Đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán	Chứng khoán
89	28	Cấp, điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh chứng khoán phái sinh	Chứng khoán
90	29	Chấm dứt tự nguyện hoạt động kinh doanh chứng khoán phái sinh	Chứng khoán
91	30	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh	Chứng khoán
92	31	Chấm dứt tự nguyện hoạt động cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh	Chứng khoán
93	32	Chấp thuận đăng ký niêm yết chứng khoán của tổ chức phát hành nước ngoài	Chứng khoán
94	33	Chấp thuận đăng ký niêm yết, giao dịch chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài	Chứng khoán
95	34	Chuyển quyền sở hữu chứng khoán ngoài hệ thống giao dịch chứng khoán đối với trường hợp phải có ý kiến chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	Chứng khoán
96	35	Cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán	Chứng khoán
97	36	Cấp lại chứng chỉ hành nghề chứng khoán	Chứng khoán
III		TÀI CHÍNH CHUNG	
98	1	Chuyển đổi chứng chỉ đại lý bảo hiểm	Bảo hiểm

STT		Tên dịch vụ công	Lĩnh vực
99	2	Phúc khảo kết quả thi chứng chỉ đại lý bảo hiểm	Bảo hiểm
100	3	Đăng ký kế hoạch thi chứng chỉ đại lý bảo hiểm	Bảo hiểm
101	4	Phúc khảo bài thi chứng chỉ bảo hiểm, chứng chỉ môi giới bảo hiểm, chứng chỉ về phụ trợ bảo hiểm	Bảo hiểm
102	5	Chấp thuận hội nghề nghiệp, cơ sở đào tạo và doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán đủ điều kiện tổ chức cập nhật kiến thức	Kế toán, Kiểm toán
103	6	Xin hoãn giờ cập nhật kiến thức đối với kế toán viên hành nghề	Kế toán, Kiểm toán
104	7	Đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán qua biên giới tại Việt Nam của doanh nghiệp dịch vụ kế toán nước ngoài	Kế toán, Kiểm toán
105	8	Đăng ký sửa đổi chế độ Kế toán (Ghi chú: theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa)	Kế toán, Kiểm toán
106	9	Đăng ký sửa đổi Chế độ Kế toán (Ghi chú: theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp)	Kế toán, Kiểm toán
107	10	Chấp thuận hội nghề nghiệp, cơ sở đào tạo và doanh nghiệp kiểm toán đủ điều kiện tổ chức cập nhật kiến thức cho kiểm toán viên hành nghề	Kế toán, Kiểm toán